

Chiến lược phát triển kinh tế đồng bằng sông Cửu Long

(Tiếp theo và hết)

VÕ HÙNG DŨNG

4. Chiến lược nào cho phát triển đồng bằng sông Cửu Long?

Chiến lược mới cho ĐBSCL cần đáp ứng được 3 yêu cầu sau:

- Phù hợp với xu thế phát triển, xu thế chuyển động của nền kinh tế thế giới;

- Tận dụng được các lợi thế từ tài nguyên sông nước đến vị trí địa lý, chính trị trong cục diện mới của thế giới;

- Tạo được mối liên kết sâu của nội vùng và kết nối được với Tp.Hồ Chí Minh, miền Đông với Nam Trung Bộ để thực hiện chiến lược của quốc gia phát triển kinh tế biển.

Lợi thế của ĐBSCL không chỉ với các sản phẩm nông nghiệp mà còn là từ vị trí địa lý chiến lược. Đó là: (i) vùng ven biển bao quanh, thuận lợi cho chiến lược phát triển kinh tế biển; (ii) từ đảo Phú Quốc và các đảo trong vùng biển Tây đến tuyến hàng hải quốc tế rất gần; (iii) nằm trên hành lang kinh tế ven biển trong Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) dễ dàng kết nối với Campuchia, Thái Lan và một số nước khác; (iv) tựa lưng với Tp.Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông, trung tâm công nghiệp lớn nhất của đất nước. Với tiềm năng và thực lực đang có cộng với vị trí địa - chính trị nói trên, ĐBSCL đóng vai trò cực kỳ quan trọng chiến lược phát triển mới của đất nước, trong cục diện mới các quốc gia trong vùng Châu Á - Thái Bình Dương.

• *Nhìn vào bố trí hệ thống giao thông hiểu được tư tưởng chiến lược phát triển*

Với hệ thống đường bộ thì qui hoạch mạng lưới trước hết cần giảm đến mức thấp nhất tình trạng chia cắt không gian kinh tế giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ, kể đến đảm bảo mở rộng không gian kinh tế

của vùng Nam Bộ cũ để nối với Nam Trung Bộ (cả Tây Nguyên). Kết nối để hình thành được thế chân vạc ĐBSCL - Tp.Hồ Chí Minh (và miền Đông) - Nam Trung Bộ vừa tựa lưng bên trong, hướng được ra biển, khai thác sức mạnh tổng thể. Qui hoạch giao thông cần tính toán để khai thác chương trình GMS và tác động đến chương trình này, mở hành lang mới từ miền Đông ra biển Tây nối đường Xuyên Á hiện nay với tuyến ven biển trong GMS. Trong thời gian từ 10 đến 15 năm tới hình thành một hành lang phát triển từ Long An đến Châu Đốc và Hà Tiên (đi qua vùng Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên) và một tam giác phát triển mới Bình Dương - Tp.Cần Thơ - Kiên Giang (và Phú Quốc). Các bến cảng ở Cần Thơ qua con đường kênh Quan Chính Bó chỉ giải quyết vấn đề vận tải hàng hóa theo đường biển ở ĐBSCL trong 5 đến 10 năm tới. Trong một tương lai xa hơn: 15 đến 20 năm sau thì phải có một cảng khác trên vùng biển Tây được hình thành. Hành lang phát triển đi qua Đồng Tháp Mười - tứ giác Long Xuyên nối miền Đông ra biển Tây sẽ là trục mới của thập kỷ tới.

• *Liên kết và liên kết sâu của các tỉnh trong vùng*

ĐBSCL hiện nay có 13 tỉnh, trung bình mỗi tỉnh có trên dưới 1 triệu rưỡi dân với diện tích trung bình 300 nghìn ha. So với đồng bằng sông Hồng hay Duyên hải miền Trung thì ĐBSCL rộng hơn, nhưng so với bất kỳ một tỉnh ven biển nào của Trung Quốc thì ĐBSCL nhỏ hơn dù ở qui mô dân số hay diện tích. Các tỉnh ven biển của Trung Quốc đâu đâu cũng là nơi sôi động có tốc độ phát triển

Võ Hùng Dũng, TS, VCCI Cần Thơ.

kinh tế cao, mức thu nhập bình quân đầu người cũng rất cao và có đóng góp lớn vào nền kinh tế của Trung Quốc. Việt Nam cũng có bờ biển dài, cũng có nhiều tỉnh ven biển, cũng suy nghĩ về chiến lược kinh tế biển nhưng kết quả đạt được đến nay cũng còn rất khiêm tốn. Để khai thác được tài nguyên biển, phát triển kinh tế biển không chỉ vấn đề ở tầm nhìn và việc hoạch định chiến lược mà còn liên quan đến năng lực của nền kinh tế, trình độ phát triển của khoa học, đặc biệt là khoa hải dương.

So với Trung Quốc, nội lực cả nước chúng ta thấp hơn. Việt Nam cũng không có những nguồn đầu tư như kiểu “Hoa kiều” đầu tư ở vùng ven biển. Sự khác biệt ở qui mô cấp địa phương cũng là vấn đề đáng được xem xét. Mỗi tỉnh Việt Nam qui mô rất nhỏ về diện tích cũng như về dân số nếu so với Trung Quốc. Tiềm lực kinh tế nhỏ yếu, sức tiêu thụ thấp nhưng mỗi tỉnh đều có chủ trương phát triển riêng không dễ gì phối hợp nhau thì chỉ riêng điều này cũng làm giảm tính hấp dẫn khi quyết định một dự án đầu tư. Ngoài ra còn vô số những cản trở khác trong các thủ tục hành chính, thực thi luật pháp đã làm tăng chi phí giao dịch của nhà đầu tư.

Các tỉnh ven biển của Trung Quốc còn có lợi thế mà không tỉnh nào của chúng ta có được là phần lãnh thổ sâu bên trong vừa đóng vai trò hậu cần cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào vừa cung cấp nguồn nhân công giá rẻ. Đó cũng là thị trường tiêu thụ hàng hóa của các tỉnh ven biển. Nếu không có vùng đất bên trong rộng lớn, đông đúc dân cư thì các tỉnh ven biển Trung Quốc cũng khó có được tính hấp dẫn và đạt được sự phát triển như vậy. So sánh như thế cũng đặt ra vấn đề về mối liên kết giữa các tỉnh trong một vùng và giữa các vùng của chúng ta với nhau. Không thực hiện được mối quan hệ gắn bó giữa các tỉnh thì không thể có mối quan hệ liên kết giữa các vùng. Các vùng không gắn bó liên kết được với nhau thì sức mạnh tổng thể của quốc gia không thể nhân lên được.

• Và mở rộng liên kết giữa các vùng

Để phát triển vùng duyên hải miền Trung thì vấn đề không chỉ dừng ở chỗ kêu gọi đầu

tư vào các tỉnh đó mà còn phải tính đến đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam sang Lào và Thái Lan. Đầu tư của Việt Nam sang Lào thúc đẩy kinh tế Lào phát triển thì tuyến đường vận chuyển ra biển, các cảng biển ở miền Trung mới có cơ hội khai thác. Điều tương tự như vậy phải có đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp ở ĐBSCL, Tp. Hồ Chí Minh vào Campuchia. Đầu tư đó sẽ có tác động tích cực khai thác tuyến hành lang ven biển, tuyến Xuyên Á các tuyến đường bộ trên biên giới và cơ hội cho ngành du lịch. Sân bay Cần Thơ, Phú Quốc sẽ có hiệu quả hơn.

Để làm được điều đó chỉ với nội lực của mình thì không một tỉnh nào có thể làm được. Cần có chủ trương, quyết sách từ Chính phủ 2 nước và các tỉnh gắn bó nhau trong chiến lược chung với mức độ hợp tác liên kết sâu. Nếu mỗi liên kết giữa các tỉnh trong vùng sâu và đạt đến độ có thể xem ĐBSCL như là một “tỉnh” của các tỉnh thì nơi đây sẽ hình thành được phong cách làm việc mới, xây dựng một cực tăng trưởng mới của đất nước trong các thập kỷ tới. Để tránh việc mỗi tỉnh dựa trên kế hoạch tăng trưởng kinh tế của mình mà tiến hành bố trí công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng cạnh tranh nhau làm giảm đi tính hiệu quả thì cần giải quyết bài toán là làm cho chiếc bánh lớn hơn, để phần của mỗi người khi phát triển có được là lớn hơn.

5. Thành phố Cần Thơ trong cục diện phát triển của ĐBSCL

Tp. Cần Thơ dẫn đầu về tăng trưởng kinh tế trong vùng. Năm 2005 tỷ lệ tăng trưởng GDP của Tp. Cần Thơ là 15,8%, năm 2006 là 16,2% là mức cao nhất so các tỉnh trong vùng. Về cơ cấu GDP (2006), khu vực I: 17%, khu vực II 39% và khu vực III 44%.

Công nghiệp thành phố đạt được tỷ lệ tăng trưởng rất cao, trung bình 18,6%/năm trong giai đoạn 2001 - 2005. Về cơ cấu thì công nghiệp thành phố không có sự khác biệt đáng kể nào so với 1 tỉnh có tỷ trọng nông nghiệp cao. Chế biến thực phẩm và đồ uống chiếm 70% giá trị sản xuất và 40% trong tổng số lao động công nghiệp. Nhìn chung các ngành có

công nghệ thấp chiếm đến 80% trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp, các ngành có trình độ công nghệ trung bình chiếm gần 20%. Điều đáng quan tâm là tăng trưởng công nghiệp của thành phố trong các năm qua chủ yếu là các ngành có trình độ công nghệ thấp. Từ 2001-2005 các ngành thuộc nhóm công nghệ này tăng 2,5 lần (gần 30%/năm), các ngành nhóm công nghệ trung bình tăng 43% (7,5%/năm), các ngành nhóm công nghệ cao tăng 1,8 lần (22%/năm) nhưng tỷ trọng trong công nghiệp quá thấp (dưới 2%)¹².

Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Cần Thơ trong mấy năm gần đây giảm sút rõ rệt¹³ nên đã không hỗ trợ tích cực cho chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố. Các khu công nghiệp qui hoạch mới thì chưa có hạ tầng và đường giao thông đi vào, các khu hiện tại đã được lấp đầy nhưng đang đối mặt với một loạt phát sinh mới liên quan đến môi trường, vấn đề xã hội ở các khu dân cư với mật độ rất đông bao quanh. Hai khu công nghiệp Hưng Phú I và Hưng Phú II được qui hoạch trong các năm trước tận dụng lợi thế bên bờ sông Hậu và cầu Cần Thơ khi xây dựng xong đến nay tuy chưa xong về hạ tầng nhưng khả năng sẽ lọt sâu vào khu dân cư và hoạt động dịch vụ không khác gì một số khu công nghiệp các quận nội thành ở Tp.Hồ Chí Minh trước đây. Trong vòng 3-4 năm tới, khả năng thu hút luồng vốn đầu tư nước ngoài ở Tp.Cần Thơ là thực sự khó khăn. Việc có rút ngắn được hay bị kéo dài ra thêm còn tùy thuộc các giải pháp xây dựng hạ tầng và đường giao thông vào các khu công nghiệp mới. Vốn đầu tư hạ tầng rõ ràng là vấn đề. Với vài ba nghìn tỷ đồng đầu tư hiện nay ở Cần Thơ, hay một vài trăm tỷ ở các tỉnh (đã là hết sức khó khăn) sẽ không thấm vào đâu so với yêu cầu đầu tư phát triển thì phải tính đến các giải pháp khác. Trên thị trường vốn thì vốn hiện không thiếu, yếu tố hấp dẫn của Cần Thơ và một số tỉnh lân cận không phải không có. Phải thay đổi phương pháp làm, cần học cách chia phần chiếc bánh cho nhiều người và mời những người làm cho chiếc bánh lớn

thêm thì sẽ có dòng vốn đầu tư vào cho hạ tầng từ đó khơi rộng cho các dự án đầu tư.

Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) vào thành phố trong thời gian qua quá thấp rõ ràng là có khiếm khuyết nào đó cần tìm hiểu, học hỏi từ các nơi khác cả kinh nghiệm thành công lẫn cay đắng. Nhưng cũng không nên quá bận tâm để trở thành nỗi ám ảnh tìm cách tăng tốc thu hút đầu tư trong sự chấp vá. Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư vào thì đó là yếu kém, nó có ảnh hưởng phần nào tăng trưởng kinh tế trong trước mắt, nhưng sai lầm về chiến lược đầu tư, đưa các dự án vào vùng đất nhạy cảm về môi trường thì cái giá phải trả không thể tính nổi.

Vấn đề cần tính đến là chất lượng qui hoạch của các khu công nghiệp. Sức ép do yêu cầu lấp đầy các khu công nghiệp rất dễ đưa đến việc xem nhẹ yêu cầu bảo vệ môi trường, bố trí các dự án manh mún, chất lượng thấp không tương xứng với đất đai khan hiếm của một thành phố lớn. Trong tương lai khi cầu Cần Thơ xây dựng xong, sân bay đưa vào hoạt động thì đầu tư trong nước cũng như nước ngoài tìm đến sẽ gia tăng (hiện tượng này hiện nay đã xuất hiện ở nhiều tỉnh ven quốc lộ), Cần Thơ sẽ có nhiều lựa chọn hơn so với hiện nay. Từ đây đến đó không xa, vấn đề bây giờ cần làm là đào tạo nguồn lao động, nhưng điều quan trọng hơn là đào tạo đội ngũ cán bộ đủ năng lực trong qui hoạch, biết sàng lọc dự án đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và mối quan hệ cân bằng phát triển với các tỉnh trong vùng.

Mặc dù cơ cấu kinh tế của thành phố thiên về phát triển công nghiệp, dịch vụ chưa thực sự quan tâm chú ý trong đầu tư cũng như định

12. Các ngành có trình độ công nghệ thấp chiếm 79% trong tổng số cơ sở sản xuất và 77% lao động làm việc; các ngành có trình độ công nghệ trung bình chiếm 19% số cơ sở sản xuất và 19% số lao động làm việc. Công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống tỷ trọng là 60% (năm 2000) tăng lên 79% (năm 2005) trong giá trị sản xuất công nghiệp của thành phố. *Nguồn:* Cục thống kê Tp Cần Thơ.

13. FDI vào Cần Thơ năm 2001 là 21 triệu USD, năm 2002 là 16 triệu, năm 2004 là 11 triệu, năm 2005 là 4 triệu, năm 2006 là 2,4 triệu USD.

hướng phát triển nhưng mức đóng góp của nó vẫn rất cao cho tăng trưởng của thành phố. Năm 2006, khu vực III đóng góp hơn 50% trong tổng mức tăng trưởng, khu vực II đóng góp 45% và còn lại là khu vực I. Các ngành công nghiệp và xây dựng đã tham gia đóng góp ngày càng nhiều cho tăng trưởng cao, tuy nhiên khu vực III đã thực sự là chỗ dựa của thành phố trong nhiều năm qua¹⁴.

Trong cơ cấu thương mại dịch vụ của thành phố thì phần của thương mại (bán lẻ hàng hóa, sửa chữa...) chiếm 50%, phần khách sạn nhà hàng 24%, các dịch vụ còn lại 25%. Nhu cầu mua sắm từ các tỉnh đang gia tăng, thương mại của thành phố cần được cải thiện nhanh hơn ở khâu chất lượng. Xuất khẩu của thành phố còn dưới mức 500 triệu USD, chủ yếu là hàng thủy sản, cần cải thiện nhanh cơ cấu nhập khẩu để đảm nhận vai trò trung tâm phân phối hàng hóa của vùng.

Đối với một thành phố dịch vụ luôn có vai trò quan trọng. Sự phát triển của nó không dừng ở đóng góp lớn cho tăng trưởng mà còn cho sự phát triển trên nhiều lĩnh vực khác, kể cả với công nghiệp và nông nghiệp. Muốn có được phát triển nông nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao cũng luôn có đòi hỏi đi đôi là phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ, các dịch vụ hỗ trợ, một thị trường vốn phát triển, các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu phát triển. Để có được khu vực dịch vụ phát triển vừa là thành phần chủ yếu của tăng trưởng vừa đóng góp phát triển của cả vùng cần lưu ý ở 3 lĩnh vực: các ngành dịch vụ hướng đến vai trò của trung tâm phân phối; công nghệ thông tin - viễn thông và thị trường vốn; các cơ sở đào tạo chất lượng.

Gần đây ở Cần Thơ và một số tỉnh đưa ra thảo luận về việc “đi tắt, đón đầu” phát triển triển các ngành công nghệ cao bằng cách xây dựng các khu công nghệ kỹ thuật cao. Từ một cơ cấu kinh tế dựa vào nông nghiệp chuyển sang công nghiệp đến công nghệ cao quả là những bước nhảy không dễ dàng chút nào. Nó không chỉ đòi hỏi sự kiên trì, có nguồn nhân

lực có trình độ để ở cấp thực hiện mà còn phải có những người ở cấp lãnh đạo, chỉ đạo am hiểu thực sự. Để làm được điều đó cần:

- Phải có giới chuyên môn ở địa phương am hiểu khi hoạch định, hiểu được mình đang làm gì và cần những thứ gì. Phải có một vài chuyên gia là những người tiên phong, không chỉ có tầm nhìn phát triển mà còn có khả năng kết nối, qui tụ được nhiều người, có mối liên hệ với các trung tâm khác.

- Phải có cơ sở nguồn nhân lực được cung cấp dồi dào từ các trường đại học, cơ quan nghiên cứu.

- Phải có sự am hiểu ở mức độ nhất định trong các cơ quan hoạch định trong xử lý, giải quyết vấn đề

Muốn xây dựng dự án thành công cần có đội ngũ cán bộ (không chỉ là ở cấp chuyên viên, mà phải ở cấp lãnh đạo) am hiểu để hoạch định và xử lý vấn đề phát sinh. Nếu không sẽ rất tốn kém mà cũng không thành công. Cần có một nhóm cán bộ được cử đi học hỏi nghiên cứu, viết báo cáo phân tích trước khi mời chuyên gia đến xây dựng dự án. Tầm nhìn và quyết tâm của cấp lãnh đạo là một việc, thành công hay không còn phụ thuộc yếu tố bên trong nhiều hơn bên ngoài. Cần có sự chuẩn bị thật tích cực chứ không thể làm phong trào.

Quyết định số 21/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Tp.Cần Thơ thời kỳ 2006 – 2020 nhấn mạnh:

- Xây dựng Cần Thơ trở thành thành phố công nghiệp, hiện đại, là trung tâm và có vai trò động lực phát triển cho Vùng;

- Xây dựng thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế - xã hội, trung tâm giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ, trung tâm y tế và văn hóa, là đầu mối quan trọng về giao thông

14. Năm 2005, GDP của thành phố tăng 15,8%, khu vực I đóng góp 1,6% điểm tăng trưởng, chiếm 10,4% trong tổng tăng trưởng; khu vực II đóng góp 7%, chiếm 44,6%, khu vực III đóng góp 7,2% điểm tăng trưởng chiếm 44,9% trong tổng tăng trưởng của thành phố.

vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của Vùng đồng ĐBSCL và của cả nước; là một cực phát triển, đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn Vùng ĐBSCL.

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển những ngành sản xuất và dịch vụ có năng suất và hàm lượng giá trị gia tăng cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Là đô thị trung tâm của vùng, sự phát triển của Cần Thơ như thế nào có ý nghĩa rất lớn trong hình thành diện mạo tương lai của ĐBSCL, tác động trở lại với nền kinh tế đất nước. Điều này đòi hỏi phải có sự cân nhắc rất kỹ các ngành công nghiệp đầu tư vào Cần Thơ hiện nay và trong 10 đến 15 năm tới.

Dưới đây là một tóm lược diễn biến trong quan hệ (về kinh tế) giữa Tp.Hồ Chí Minh với ĐBSCL trong những năm trước và sau đổi mới:

Trong những năm 80 đến 90 (của thế kỷ trước)

- Vào lúc đó Tp.Hồ Chí Minh có nhiều nhà máy nhưng thiếu nguyên liệu, ĐBSCL có nông sản nhưng không thể xuất khẩu. Cả 2 đều rất cần nhau, mối quan hệ lúc đó rất chặt chẽ

- Tp.Hồ Chí Minh đóng vai trò cung cấp hàng công nghiệp, ĐBSCL là thị trường cho sản phẩm công nghiệp của Tp.Hồ Chí Minh mua lại hàng nông sản cho tiêu dùng và chế biến xuất khẩu, thành phố là đầu ra sản phẩm của ĐBSCL.

- ĐBSCL là hậu phương cho thành phố phát triển công nghiệp. Công nghiệp ở thành phố vực dậy được có tác động rất lớn với nền kinh tế đất nước lúc đó. Khu vực nông nghiệp đóng góp cho việc hình thành nền móng ban đầu của công nghiệp.

Từ sau những năm 90.

Mối quan hệ giữa thành phố với vùng ĐBSCL thay đổi và khác với những năm 80-90.

- Thị trường phát triển, các doanh nghiệp tự tìm đến nhau.

- Thành phố thực hiện chiến lược thu hút đầu tư nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng cao cũng dựa trên nền quan niệm khai thác lợi thế so sánh với tài nguyên, lao động rẻ, phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, chế biến nông sản xuất khẩu.

- ĐBSCL đẩy mạnh phát triển nông nghiệp dựa tập trung vào những mặt hàng có lợi thế so sánh để xuất khẩu.

Tp.Hồ Chí Minh luôn đạt được mức tăng trưởng cao trong công nghiệp, ĐBSCL cũng đạt được mức tăng trưởng cao trong nông nghiệp. Nguyên liệu từ đồng bằng chảy về nơi có cơ sở chế biến và cảng giao hàng, nguồn nhân lực tốt hơn nếu có ở ĐBSCL cũng đổ về Tp.Hồ Chí Minh.

Vào cuối những năm 90 đầu 2000:

- ĐBSCL không thu hút được nhiều đầu tư không chỉ vì cơ sở hạ tầng yếu kém mà vì cơ hội có thể mang tới đã không thể tới được. Bất cứ nhà đầu tư nào cũng không muốn tìm đến nơi mà họ phải tốn nhiều thời gian và phí tổn.

- ĐBSCL ngày một khó xoay trở bởi vòng luẩn quẩn: do cơ sở hạ tầng yếu, chất lượng nguồn nhân lực kém nên không thu hút được đầu tư mới, do không có dòng đầu tư mới nên không đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng, không mở mang được cơ sở hạ tầng mới và do đó lại không thu hút được đầu tư. Hình ảnh về Tp.Hồ Chí Minh trong lòng các tỉnh ĐBSCL không còn như trước và mối quan hệ cũng chẳng còn gắn bó mấy như những năm trước 1990.

- Nhưng việc thu hút đầu tư vào các ngành thâm dụng lao động, khai thác lợi thế so sánh cũng đưa Tp.Hồ Chí Minh đối mặt vấn đề về cấu trúc kinh tế trong những năm sau này.

Từ cuối năm 1990, Tp.Hồ Chí Minh nhận thấy vấn đề và nỗ lực cấu trúc lại cơ cấu kinh tế. Quá trình tiến hành hết sức khó khăn, chật vật. Thu hút đầu tư vào đã khó nhưng tái cấu trúc và giải quyết vấn đề môi trường thì khó

khăn và tổn kém hơn nhiều. Gần đây khu vực ngoại vi của Tp.Hồ Chí Minh như Bình Dương, Long An, Tây Ninh thu hút được nhiều đầu tư thì một phần trong đó là các cơ sở từ Tp.Hồ Chí Minh chuyển đến, lý do khác là Tp.Hồ Chí Minh cũng không muốn tiếp nhận các dự án có hàm lượng công nghệ thấp, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.

Việc tái cấu trúc cơ cấu kinh tế thành công ở Tp.Hồ Chí Minh có ý nghĩa hết sức to lớn đối với phát triển kinh tế của đất nước, nhưng sự trì trệ của ĐBSCL cũng có ảnh hưởng hết sức nghiêm trọng đối với đất nước.

Sự phát triển của khu vực có hấp lực cao như các đô thị lớn có thể gây phương hại cho các nơi có điều kiện hạ tầng yếu kém hơn nếu chiến lược phát triển của nơi đó cũng tương đồng với chiến lược của nơi yếu hơn. Tình trạng kém phát triển của các khu vực ngoại vi sớm hay muộn cũng phương hại và làm xấu đi rất nhanh môi trường phát triển của nơi mà ban đầu có cơ sở hạ tầng tốt, hấp lực cao.

Sự phát triển của khu vực có hấp lực cao có thể gây tác động tốt đến khu vực ngoại vi, các địa phương yếu hơn nếu chiến lược phát triển đó giúp thúc đẩy các khu vực ngoại vi phát triển, chuyển đổi được cơ cấu kinh tế lạc hậu ở nơi đó.

Mối liên kết thực sự giữa các địa phương không phụ thuộc vào các thỏa thuận được ký kết của cấp chính quyền với nhau mà phụ thuộc vào hành vi của doanh nghiệp, vào chuỗi cung ứng mà họ tham gia.

Hành vi của doanh nghiệp chỉ bị chi phối bởi lợi ích của chính họ, và sẽ lôi cuốn các cơ quan ở cấp thừa hành thực hiện theo yêu cầu của họ. Điều này có thể làm biến dạng các mục tiêu phát triển, thay đổi mục tiêu ở cấp hoạch định sau một thời gian dài.

Vào giai đoạn hiện nay Tp.Cần Thơ không giống như Tp.Hồ Chí Minh của 20 năm trước, vai trò, chức năng và nhiệm vụ

của Cần Thơ đối với ĐBSCL cũng đã được Chính phủ qui định nên vấn đề ở đây không phải là rút ra được bài học gì mà là làm thế nào để phát triển được bền vững. Môi trường là yếu tố hàng đầu của bền vững. Thay vì nhấn mạnh đến lợi thế so sánh, điều mà các tỉnh đang làm thì Cần Thơ nên ưu tiên hơn cho công nghệ, cho giáo dục đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và vào những ngành đòi hỏi hàm lượng công nghệ, ít gây tác động xấu đến môi trường.

*

* *

Cơ cấu kinh tế chỉ phát huy đúng mức tiềm năng của nó khi mà với cấu trúc đó tạo ra được giá trị gia tăng cao trong chuỗi sản phẩm. Để đạt được điều này cần chuyển từ khai thác lợi thế so sánh hướng tới tạo lợi thế cạnh tranh trên toàn vùng. Năng lực cạnh tranh của các công ty không dựa trên nguồn nguyên liệu và lao động giá rẻ. Điều quan trọng, và có tầm quyết định là thể chế và môi trường kinh doanh tốt ở địa phương. Việc thực hiện các ưu đãi đầu tư không phải là giải pháp hiệu quả, nó có thể gây nên những tổn thất lâu dài hơn là cái thu được trước mắt. Tổn hại về môi trường là tổn hại rất lớn mà cái giá phải trả thì khó mà tính toán vào lúc này, nên chiến lược phát triển không thể chỉ tính trong phạm vi nội vùng mà còn xem xét ở những nơi khác họ làm đang làm gì những gì họ sẽ phải làm.

Các phân tích cho thấy phát triển kinh tế ở ĐBSCL đang ở dưới mức tiềm năng. Cấu trúc không phù hợp và sự dịch chuyển chậm chạp so với xu thế phát triển cả nước trong một thời gian khá dài đã làm cho ĐBSCL đứng trước nhiều thách thức lớn. Đầu tư đúng mức vào ĐBSCL sẽ làm sống động một vùng kinh tế không chỉ với 18 triệu dân nơi đây mà cả một khu vực rộng lớn của đất nước. /.